

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2019/HSST
Ngày: 11/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

Với tBnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Ký
2. Ông Trần Hoàng Phong

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa: Ông Phan Đức Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Lúc 08 giờ 00 phút ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Võ Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 05/11/2000; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố Long B, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Võ Viết H, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 05/8/2018 có Bnh vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Công an phường Xuân Y ra Quyết định xử phạt Bnh chính số tiền 375.000đ (chưa nộp phạt). Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Vợ chồng ông **Huỳnh Văn L** – sinh năm 1966 và bà **Đặng Thị B** – sinh năm 1969; Cùng trú tại: Khu phố Long B, phường Xuân Phú, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Võ Viết Hiền** – sinh năm 1978; Trú tại: Khu phố Long B, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Anh **Huỳnh Phúc E** – sinh năm 2003; Trú tại: Khu phố Long B, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Đại diện hợp pháp của Huỳnh Phúc E: Vợ chồng ông **Huỳnh Văn L** – sinh năm 1966 và bà **Đặng Thị B** – sinh năm 1969; Cùng trú tại: Khu phố Long B, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Anh E, vợ chồng ông L, bà B cùng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh **Huỳnh Gia G** – sinh năm 2002 (tên gọi khác: “Pin”); Trú tại: Khu phố Dân P, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Đại diện hợp pháp của Huỳnh Gia G: Bà **Trương Thị Yến S** – sinh năm 1975; Trú tại: Khu phố Dân P, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Anh G, bà Sang cùng vắng mặt không có lý do.

3. Anh **Nguyễn Hữu L** – sinh năm 2001; Trú tại: Khu phố Phước L, phường Xuân Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do

4. Anh **Nguyễn Nhật D** – sinh năm 2000 (tên gọi khác: “Tin”); Trú tại: Khu phố L Hải Đ, phường Xuân Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do

5. Anh **Võ TBNh Quang** – sinh năm 1997; Trú tại: Khu phố Dân Phước, phường Xuân TBNh, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do

6. Anh **Nguyễn Thành N** – sinh năm 2005 (tên gọi khác: “Lượm”); Trú tại: Khu phố Long B, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Đại diện hợp pháp của Nguyễn TBNh Nhân: Ông **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1974; Trú tại: Khu phố Long B, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên.

Anh Nhân, ông Thống cùng vắng mặt không có lý do.

7. Bà **Trần Thị T** – sinh năm 1942; Trú tại: Khu phố Long B, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 11/4/2019, Võ Nguyễn Hoàng L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78B1-037.9

15 đến nB bạn là Huỳnh Phúc E tại Khu phố Long B, phường Xuân P, thị xã C để rủ E đi chơi. L dựng xe ở trên đường bê tông rồi mở chốt cửa, đi vào phòng ngủ tìm E nhưng không thấy E. Lúc này, L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, L lật 01 góc nệm phía đuôi giường thấy 01 túi nylon màu trắng có đựng số tiền 7.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ; 01 hộp nhựa đựng 01 chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 0,5 chỉ và 01 đôi bông tai vàng 99 trọng lượng 01 chỉ nên L lấy túi nylon này bỏ vào túi quần rồi ra ngoài điều khiển xe đến khu vực gần cột đèn xanh đỏ thuộc Khu phố Long B, phường Xuân P. L lấy hết số tiền bỏ vào túi quần và đeo 01 chiếc nhẫn vàng, còn hộp nhựa đựng 01 chiếc nhẫn và 01 đôi bông tai L cất giấu tại khu vực này. L sử dụng tiêu xài cá nhân hết số tiền 3.487.000 đồng. Vì sợ bị phát hiện nên L ném số tiền 3.500.000 đồng vào khu vực miếu “Thần Hoàng” thuộc Khu phố Long B, phường Xuân P. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô 78B1-037.15 chở Huỳnh Gia G đến khu vực ngã tư khu phố L Bình thì E chặn L lại hỏi có lấy trộm tài sản của gia đình E không, L không thừa nhận nên E dẫn L về nB gặp ông Huỳnh Văn L và bà Đặng Thị B (là cha, mẹ của E) để nói sự việc bị mất tài sản thì L đã thừa nhận Bnh vi trộm cắp tài sản.

Theo lời khai bà Đặng Thị B, tổng tài sản bị mất gồm số tiền 7.000.000 đồng và 3,5 chỉ vàng, bao gồm: 02 chiếc nhẫn vàng 9999 mỗi chiếc trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 9999 trọng lượng 0,5 chỉ và 01 đôi bông tai bằng vàng 99 trọng lượng 01 chỉ. Tuy nhiên, quá trình điều tra đủ cơ sở xác định Võ Nguyễn Hoàng L đã trộm cắp số tiền 7.000.000 đồng; 2,5 chỉ vàng, bao gồm: 01 chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 0,5 chỉ và 01 đôi bông tai vàng 99 trọng lượng 01 chỉ. Còn đối với 01 chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ mà bà B báo mất Cơ quan điều tra không đủ cơ sở xác định L đã trộm cắp.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 25/KL-HĐĐG ngày 12/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã C kết luận: 02 chiếc nhẫn vàng, loại vàng 9999, trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ có giá trị là 7.360.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng, loại vàng 9999, trọng lượng 0,5 chỉ có giá trị là 1.840.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng, loại vàng 99, trọng lượng 01 chỉ có giá trị 3.560.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Số tiền 3.500.000 đồng (gồm 07 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng); 01 (một) chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 0,5 chỉ, bên trong vòng nhẫn có khắc các ký hiệu: 0.5.999.TIENVIEN.SONGCA”; 01 (một) đôi bông tai vàng 99, trọng lượng 01 chỉ, mỗi chiếc bông tai có dạng hình chiếc lá thông; 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, mỗi chiếc bông tai có dạng hình vòng tròn, đính 04 hạt màu trắng sáng, là loại vàng giả, không có giá trị. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ tài sản theo yêu cầu của người bị hại.

Tại bản cáo trạng số 30/CT - VKS ngày 15/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C truy tố bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L khai: 14 giờ 00 phút ngày 11/4/2019 bị cáo đến nB bị hại để rủ E là con của bị hại đi chơi. Khi vào nB không có E, nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Vì vậy, bị cáo đã lật nệm trên giường phòng ngủ lấy tiền, vàng như nội dung cáo trạng đã nêu để tiêu xài cá nhân. Số tiền lấy được bị cáo đã sửa xe và tiêu xài hết 3.500.000 đồng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho bị hại. Riêng 01 chỉ vàng bị hại khai do bị cáo trộm thì bị cáo không thừa nhận, cơ quan điều tra cũng không chứng minh được là bị cáo đã lấy trộm 01 chỉ vàng này. Nhưng bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại và không yêu cầu bị hại trả lại. Bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng, không oan gì cho bị cáo.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, nên giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng số 30/CT - VKS ngày 15/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 BLHS năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND phường Xuân Phú giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Vật chứng vụ án: Số tiền 3.500.000 đồng (gồm 07 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000 đồng); 01 (một) chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 0,5 chỉ, bên trong vòng nhẫn có khắc các ký hiệu: “0.5.999.TIENVIEN.SONGCA”; 01 (một) đôi bông tai vàng 99, trọng lượng 01 chỉ, mỗi chiếc bông tai có dạng hình chiếc lá thông; 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, mỗi chiếc bông tai có dạng hình vòng tròn, đính 04 hạt màu trắng sáng, là loại vàng giả, không có giá trị. Cơ quan điều tra Công an thị xã C đã trao trả cho người bị hại nên đề nghị không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị không xét.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78B1-037.15 mà Võ Nguyễn Hoàng

L điều khiển là xe của ông Võ Viết H (cha ruột L), ông H không biết L sử dụng xe để trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Bnh vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Bnh vi, quyết định của cơ quan tiến Bnh tố tụng, người tiến Bnh tố tụng. Do đó các Bnh vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến Bnh tố tụng, người tiến Bnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị hại, người làm chứng, đại diện hợp pháp của người làm chứng vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, nên không gây trở ngại việc xét xử. Nên quyết định xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp kết luận định giá tài sản, lời khai của người làm chứng phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Chính bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L có hành vi lén lút lấy số tiền 7.000.000 đồng; 2,5 chỉ vàng trị giá 9.080.000 đồng của vợ chồng bà Đặng Thị B và ông Huỳnh Văn L vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 11/4/2019, tại Khu phố Long B, phường Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Tổng giá trị tài sản ở vào thời điểm bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L chiếm đoạt là 16.080.000 đồng. Đủ yếu tố cấu tBnh tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do đó, quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 30/CT - VKS ngày 15/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan gì cho bị cáo.

[3] Bnh vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được Bnh vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì để có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Nên cần xử lý tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do Bnh

vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo có 01 tiền sự: Ngày 10/8/2018, bị Công an phường Xuân Yên, thị xã C xử phạt số tiền 375.000 đồng về Bnh vi sử dụng trái phép chất ma túy. Xét bị cáo tBnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tác động gia đình kịp thời bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Mặc khác, tuy Cơ quan điều tra không có tài liệu, chứng cứ chứng minh 01 chỉ vàng y mà bị hại khai mất là do bị cáo trộm cắp, nhưng bị cáo vẫn tác động gia đình bồi thường đủ cho bị hại và tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu bị hại trả lại. Cho thấy bị cáo rất ăn năn, hối cải, tuổi đời bị cáo còn trẻ nên không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, tạo điều kiện cho bị cáo tự sửa chữa sai lầm trở tBnh người tốt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Số tiền 3.500.000đồng (gồm 07 tờ tiền Polime mệnh giá 500.000đồng); 01 (một) chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lượng 0,5 chỉ, bên trong vòng nhẫn có khắc các ký hiệu: 0.5.999.TIENVIEN.SONGCA”; 01 (một) đôi bông tai vàng 99, trọng lượng 01 chỉ, mỗi chiếc bông tai có dạng hình chiếc lá thông; 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng, mỗi chiếc bông tai có dạng hình vòng tròn, đính 04 hạt màu trắng sáng, là loại vàng giả, không có giá trị. Cơ quan điều tra Công an thị xã C đã trao trả cho chủ sở hữu, người bị hại không có ý kiến gì khác nên không xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xét.

[8] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78B1-037.15 mà Võ Nguyễn Hoàng L điều khiển là xe của ông Võ Viết H (cha ruột L), ông H không biết L sử dụng xe để trộm cắp tài sản nên không xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L **09 (Chín)** tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ, tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi Bnh án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L cho UBND phường Xuân Phú, thị xã C, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi Bnh án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Vật chứng vụ án: Không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Nguyễn Hoàng L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã C (2);
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. Sông Cầu (1);
- Sở tư pháp (1);
- THA HS thị xã C (1);
- THA DS thị xã C (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Lưu HS, án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn

